

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2021/HNGĐ-ST.**

Ngày: 27/01/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Vương

2. Bà Thái Thị Thủy Tiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai:* Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 452/2020/TLST–HNGĐ ngày 06/11/2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Phương D - Sinh năm 1986

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T - Sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Phương D trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo làm ăn, ham chơi bài bạc, số đề dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chị và anh T không còn sống chung với nhau hơn một năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/02/2005 và cháu Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 10/5/2013. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và giao cháu T1 cho anh T trực tiếp

nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con cho anh T và cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với chị D về diễn biến cuộc hôn nhân vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ. Theo anh T, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay anh và chị D không còn sống chung với nhau. Nay chị D khởi kiện ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung là cháu T và cháu Th và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (pho to – chứng thực), giấy khai sinh (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), EMS, bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai của đương sự.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện các thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: chị Phan Thị Phương D và anh Nguyễn Minh T kết hôn năm 2004. Trong cuộc sống vợ chồng, chị D và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 10/5/2013 cho chị Phan Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/02/2005 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị D, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị D chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Theo lời trình bày của chị D, cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, anh T không chăm lo làm ăn. Anh chị sống ly thân nhau hơn một năm nay, trong thời gian sống ly thân hai bên cũng không gặp nhau đề hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án chị D và anh T đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, như vậy cho thấy chị D và anh T không có ý định đoàn tụ vợ chồng.

Do đó, có thể xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu chị Phan Thị Phương D được ly hôn với anh Nguyễn Minh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 10/5/2013 và giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/02/2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không cấp dưỡng nuôi con cho anh T và cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Th đang ở với chị D, cháu T1 đang ở với anh T, mặt khác cháu Th có muốn ở với mẹ, cháu T1 muốn ở với cha. Về điều kiện nuôi dưỡng con chung thì chị D và anh T đều có mức thu nhập bình quân bằng nhau là 6.000.000 đồng/tháng. Như vậy, yêu cầu của chị D là phù hợp nên giao cháu Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 10/5/2013 cho chị Phan Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/02/2005 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Chị D và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị D và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D và anh T khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Chị Phan Thị Phương D được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyền số I/2004 do UBND xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/12/2004 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 10/5/2013 cho chị Phan Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/02/2005 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị D, anh Tân không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị D, anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh T, chị D có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị D, anh T được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị D nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị D đã nộp tại biên lai số 0002207 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- THADS H. Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Tuân